

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất – Thương mại.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất xi măng, các sản phẩm từ xi măng và vỏ bao đựng xi măng. Kinh doanh vật liệu xây dựng. Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và ủy thác.
- 4. Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Công ty có 360 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 351 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

9815-
HI NHẢ
IG TY T
TOÁN VÀ
A & C
I CẦN
ĐEU-TV

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản nợ phải trả trong kỳ theo mức cổ tức được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm. Lợi nhuận sau thuế năm 2014 dự kiến trích lập các quỹ như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	7%
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	3%



CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- | | | |
|-----------------------------|---|-------|
| • Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động | 5% |
| • Quỹ khác | Thù lao và khen thưởng cho các thành viên Hội đồng quản trị | 5,48% |

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.075 VND/USD
30/6/2014 : 21.298 VND/USD

18. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	81.541.926	208.973.191
Tiền gửi ngân hàng	3.048.899.760	14.130.870.536
Cộng	<u>3.130.441.686</u>	<u>14.339.843.727</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH xi măng Holcim Việt Nam	320.650.000	8.521.844.265
Công ty TNHH Lafarge xi măng	4.095.300.000	3.861.000.000
Công ty cổ phần xi măng Kiên Giang	2.361.436.000	2.487.202.850
Công ty cổ phần xi măng Tây Đô	4.442.300.170	5.388.089.685
Chi nhánh Công ty cổ phần xi măng Thăng Long	12.354.019.700	8.972.183.341
Các khách hàng khác	19.674.695.333	14.732.587.359
Cộng	<u>43.248.401.203</u>	<u>43.962.907.500</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH xây dựng – thương mại – dịch vụ Phương Vũ	100.000.000	-
Công ty TNHH kỹ thuật Gia Nguyễn	-	109.081.830
Các nhà cung cấp khác	17.634.751	42.419.512
Cộng	<u>117.634.751</u>	<u>151.501.342</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vũ Mạnh Duy	-	2.947.464
Phải thu cán bộ công nhân viên (BHXH, BHYT, BHTN)	1.237.005	546.210
Phải thu BHXH Thành phố Cần Thơ	-	69.407.730
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân	86.621.365	174.184.036
Trung tâm Lưu Ký thành phố Hồ Chí Minh	-	5.000.000
Cộng	<u>87.858.370</u>	<u>252.085.440</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	134.000.000	98.800.000
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	88.000.000
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	123.200.000	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	10.800.000	10.800.000
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	<u>134.000.000</u>	<u>98.800.000</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	98.800.000
Trích lập dự phòng bổ sung	35.200.000
Số cuối năm	<u>134.000.000</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	32.939.119.204	32.214.383.277
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.285.837.134	4.296.974.536
Thành phẩm	13.264.281.672	10.016.575.982
Cộng	<u>51.489.238.010</u>	<u>46.527.933.795</u>

Giá trị thành phẩm và nguyên liệu tại mọi thời điểm đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Cần Thơ.



CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	-	14.964.330
Bảo hiểm cháy nổ mọi rủi ro 2013	-	44.926.134
Chi phí sửa chữa (Máy nén, nhà vệ sinh)	-	34.067.250
Bảo hiểm cháy nổ mọi rủi ro 2014	121.200.546	-
Cộng	121.200.546	93.957.714

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	523.750.949	522.467.309
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	454.536.804	963.435.570
Cộng	978.287.753	1.485.902.879

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 01 đính kèm.

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 134.247.432.423 VND và 32.053.447.508 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Giảm khác (Kết chuyển vào chi phí)	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	374.735.333	3.338.769.319	(3.702.204.652)	(11.300.000)	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	-	-	-	-
Cộng	374.735.333	3.338.769.319	(3.702.204.652)	(11.300.000)	-

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần xi măng Tây Đô	3.661.150	42.291.820.004	3.661.150	42.291.820.004
Cộng	3.661.150	42.291.820.004	3.661.150	42.291.820.004

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000105 ngày 19 tháng 9 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần xi măng Tây Đô 42.291.820.004 VND, tương đương 48,17% vốn điều lệ.

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên	263.840	2.682.621.200	263.840	2.682.621.200
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang	140.000	1.550.893.958	140.000	1.550.893.958
Công ty cổ phần bê tông Phan Vũ Cần Thơ	200.000	2.009.684.627	200.000	2.009.684.627
Cộng	603.840	6.243.199.785	603.840	6.243.199.785

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào	Số cuối kỳ
			chi phí SXKD trong kỳ	
Công cụ, dụng cụ	301.020.448	-	(217.425.318)	83.595.130
Cộng	301.020.448	-	(217.425.318)	83.595.130

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	40.221.414.664	30.222.636.772
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ</i> ^(a)	20.043.881.473	20.451.407.772
<i>Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Một thành viên HSBC – Chi nhánh Cần Thơ</i> ^(b)	9.537.556.400	6.567.987.500
<i>Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Indovina – Chi nhánh Cần Thơ</i> ^(c)	10.639.976.791	3.203.241.500
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	40.221.414.664	30.222.636.772

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động kinh doanh bao bì. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản cố định của Công ty cổ phần Sadico Cần Thơ.

(b) Khoản vay Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên HSBC – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động nhập khẩu hoặc mua trong nước máy móc, trang thiết bị, nguyên liệu phục vụ sản xuất bao bì xi măng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản thanh toán từ các khách hàng.

(c) Khoản vay Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Indovina – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị hàng tồn kho luân chuyển bao gồm thành phẩm và nguyên liệu.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng
Số đầu năm	30.222.636.772
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	115.984.836.819
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(105.986.058.927)
Số cuối kỳ	40.221.414.664

16. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Noble Resource Pte.,Ltd	-	1.658.707.875
Công ty TNHH một thành viên Hồng Phát	286.610.399	244.904.157
Công ty cổ phần nhựa OPEC	-	412.476.000
Công ty cổ phần nhựa bao bì Ngân Hạnh	1.130.160.350	-
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung tại thành phố Hà Nội	2.246.044.700	-
Các nhà cung cấp khác	1.326.942.918	723.114.172
Cộng	4.989.758.367	3.039.202.204

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	814.273.090	2.434.216.502	(3.172.811.439)	75.678.153
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.307.001.275	(2.307.001.275)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	19.567.312	(19.567.312)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	617.169.669	1.131.347.329	(1.247.910.445)	500.606.553
Thuế thu nhập cá nhân	239.084.036	787.622.902	(975.296.638)	51.410.300
Tiền Thuế đất ^(*)	(1.306.651)	130.787.326	(130.787.326)	(1.306.651)
Các loại thuế khác	-	11.213.797	(11.213.797)	-
Cộng	<u>1.669.220.144</u>	<u>6.821.756.443</u>	<u>(7.864.588.232)</u>	<u>626.388.355</u>

(*) Trình bày ở chỉ tiêu thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.419.868.034	9.385.494.624
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	352.091.822	534.521.270
- Các khoản điều chỉnh giảm	(629.472.000)	(574.912.000)
Thu nhập chịu thuế	5.142.487.856	9.345.103.894
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	<u>1.131.347.329</u>	<u>2.336.275.974</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	<u>-</u>	<u>-</u>
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>1.131.347.329</u>	<u>2.336.275.974</u>

Tiền thuế đất

Công ty phải nộp tiền thuế đất đối với diện tích 39.370,3 m² đất đang sử dụng theo các Quyết định số: 2008/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2007; 1370/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2008; 1882/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2008; 1815/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 của Ủy Ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả công nhân viên	8.037.183.563	11.278.910.397
Cộng	<u>8.037.183.563</u>	<u>11.278.910.397</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

19. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	31.590.400	48.138.293
Cộng	31.590.400	48.138.293

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	69.706.349	63.192.480
Bảo hiểm xã hội	27.226.050	8.374.440
Lãi vay được gia hạn phải trả cho Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	31.168.920.209	31.168.920.209
Cổ tức phải trả	13.260.000	5.850.000
Phải trả tiền bảo hiểm cho nhân viên	-	31.758.285
Cộng	31.279.112.608	31.278.095.414

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.479.833.675	-	(1.263.492.000)	216.341.675
Cộng	1.479.833.675	-	(1.263.492.000)	216.341.675

22. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Trả cổ tức năm trước	19.492.581.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	-
Cộng	19.492.581.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.499.997	6.499.997
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	6.499.997	6.499.997
- Cổ phiếu phổ thông	6.499.997	6.499.997
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.499.997	6.499.997
- Cổ phiếu phổ thông	6.499.997	6.499.997
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	130.901.748.889	142.580.167.892
- Doanh thu bán hàng hóa	-	6.276.123.636
- Doanh thu bán thành phẩm	130.901.748.889	136.304.044.256
Doanh thu thuần	130.901.748.889	142.580.167.892

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	-	7.077.690.660
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	120.440.694.324	121.114.477.891
Cộng	120.440.694.324	128.192.168.551

(i) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	92.793.882.663	100.192.803.554
Chi nhân công trực tiếp	11.915.173.445	12.043.759.275
Chi phí sản xuất chung	19.968.206.504	17.211.977.156
Tổng chi phí sản xuất trong kỳ	124.677.262.612	129.448.539.985
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(988.862.598)	(808.038.765)
Tổng giá thành sản xuất	123.688.400.014	128.640.501.220
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(3.247.705.690)	(7.526.023.329)
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	120.440.694.324	121.114.477.891

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	21.588.215	19.494.890
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	60.666.666	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.508.185	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	629.472.000	574.912.000
Doanh thu khác	1.947	150.388
Cộng	723.237.013	594.557.278

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.135.428.526	1.992.363.395
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	124.050.358	203.144.253
Chi phí khác	4.577.244	128.911
Cộng	1.264.056.128	2.195.636.559

04498
CHI NH
NG TY
TOÁN VÀ
A & C
CẦN TH
- TP. C

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.909.162	15.909.156
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.383.960.802	1.564.243.446
Cộng	1.399.869.964	1.580.152.602

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.870.757.812	2.409.519.576
Chi phí đồ dùng văn phòng	93.087.732	64.438.875
Chi phí khấu hao tài sản cố định	74.501.544	49.537.548
Thuế, phí và lệ phí	142.001.123	244.070.195
Chi phí dự phòng	35.200.000	10.800.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	2.490.789.283
Chi phí khác	2.225.124.152	-
Cộng	5.440.672.363	5.269.155.477

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
Hỗ trợ thanh toán	-	507.038.275
Bán phế liệu, hạt tái chế	7.014.694.098	6.636.286.600
Thu nhập khác	27.772.504	28.050.000
Cộng	7.042.466.602	7.171.374.875

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	159.062.855	2.714.085
Bán phế liệu, hạt tái chế	4.526.106.747	3.699.544.043
Chi phí khác	17.122.089	21.234.104
Cộng	4.702.291.691	3.723.492.232

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.288.520.705	7.049.218.650
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.288.520.705	7.049.218.650



CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.499.997	6.499.997
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	660	1.084

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	99.505.119.923	105.697.758.133
Chi phí nhân công	19.089.455.234	18.055.551.688
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.100.428.630	4.398.942.905
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.613.868.241	13.829.416.861
Chi phí khác	2.884.280.045	32.163.015
Cộng	133.193.152.073	142.013.832.602

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty bao gồm: thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt phát sinh trong kỳ như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng	670.385.413	1.102.136.113
Thù lao, thưởng Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát	686.000.000	896.000.000
Cộng	1.356.385.413	1.998.136.113

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng doanh nghiệp	Cổ đồng sáng lập
Công ty cổ phần xi măng Tây Đô	Cổ đồng sáng lập đồng thời là công ty liên kết
Công ty cổ phần bê tông Phan Vũ Cần Thơ	Công ty có thành viên chủ chốt quan hệ mật thiết

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng Doanh nghiệp		
Lãi vay phải trả	-	582.096.712
Công ty cổ phần xi măng Tây Đô		
Bán hàng hóa	25.930.320.850	27.009.402.860
Công ty cổ phần bê tông Phan Vũ Cần Thơ		
Nhận cổ tức	-	100.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần xi măng Tây Đô		
Phải thu tiền bán vỏ bao xi măng	4.442.300.170	5.388.089.685
Cộng nợ phải thu	4.442.300.170	5.388.089.685
Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng doanh nghiệp		
Lãi vay phải trả	31.168.920.209	31.168.920.209
Cộng nợ phải trả	31.168.920.209	31.168.920.209

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Hoạt động sản xuất.
- Hoạt động thương mại.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 03 đính kèm.

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu ở trong nước.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ứng trước tiền đối với các đơn vị, cá nhân giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là vừa phải.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.130.441.686	-	-	-	3.130.441.686
Phải thu khách hàng	43.072.401.203	-	-	176.000.000	43.248.401.203
Các khoản phải thu khác	454.536.804	-	-	-	454.536.804
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.243.199.785	-	-	-	6.243.199.785
Cộng	52.900.579.478	-	-	176.000.000	53.076.579.478
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.339.843.727	-	-	-	14.339.843.727
Phải thu khách hàng	43.786.907.500	-	-	176.000.000	43.962.907.500
Các khoản phải thu khác	966.383.034	-	-	-	966.383.034
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.243.199.785	-	-	-	6.243.199.785
Cộng	65.336.334.046	-	-	176.000.000	65.512.334.046

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.



CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	40.978.885.848	-	-	40.978.885.848
Phải trả người bán	4.989.758.367	-	-	4.989.758.367
Các khoản phải trả khác	31.213.770.609	-	-	31.213.770.609
Cộng	77.182.414.824	-	-	77.182.414.824
Số đầu năm				
Vay và nợ	30.912.108.299	-	-	30.912.108.299
Phải trả người bán	3.039.202.204	-	-	3.039.202.204
Các khoản phải trả khác	31.222.908.502	-	-	31.222.908.502
Cộng	65.174.219.005	-	-	65.174.219.005

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Công ty cố gắng tạo ra khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 01 tháng 01 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy sẽ bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

00449
CHI NH
NG TY
TOÁN VÀ
& C
CẦN TH
-TP. C

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-	-
Vay và nợ	(40.221.414.664)	-	(30.222.636.772)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(40.221.414.664)	-	(30.222.636.772)	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 804.428.293 VND (năm trước giảm/tăng 453.339.552 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay tăng so với năm trước do số dư nợ vay bằng VND tăng so với năm trước.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý, thông qua các thỏa thuận về hợp đồng thu mua nguyên liệu.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp khoản nợ phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên HSBC – Chi nhánh Cần Thơ (xem thuyết minh số V.15). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 43.248.401.203 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 là 43.962.907.500 VND).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2014.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.130.441.686	-	14.339.843.727	-	3.130.441.686	14.339.843.727
Phải thu khách hàng	43.248.401.203	(123.200.000)	43.962.907.500	(88.000.000)	43.125.201.203	43.874.907.500
Các khoản phải thu khác	454.536.804	-	966.383.034	-	454.536.804	966.383.034
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.243.199.785	-	6.243.199.785	-	6.243.199.785	6.243.199.785
Cộng	53.076.579.478	(123.200.000)	65.512.334.046	(88.000.000)	52.953.379.478	65.424.334.046

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	40.221.414.664	30.222.636.772	40.221.414.664	30.222.636.772
Phải trả người bán	4.989.758.367	3.039.202.204	4.989.758.367	3.039.202.204
Các khoản phải trả khác	31.213.770.609	31.222.908.502	31.213.770.609	31.222.908.502
Cộng	76.424.943.640	64.484.747.478	76.424.943.640	64.484.747.478

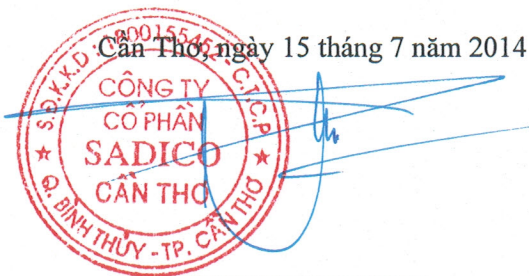
Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.



Dương Thị Quỳnh Giao
Kế toán trưởng



Nguyễn Phú Thọ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 01: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND		
Nguyên giá	Cộng		
Số đầu năm	134.888.846.992		
Tăng trong kỳ	3.602.348.652		
Mua sắm mới	3.602.348.652		
Giảm trong kỳ	(641.414.569)		
Thanh lý, nhượng bán	(641.414.569)		
Số cuối kỳ	137.849.781.075		
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	98.627.013.833		
Khấu hao trong kỳ	4.075.464.628		
Thanh lý, nhượng bán	(482.351.714)		
Số cuối kỳ	102.220.126.747		
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	36.261.833.159		
Số cuối kỳ	35.629.654.328		
Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
28.991.947.535	3.027.864.437	163.460.000	134.888.846.992
-	-	-	3.602.348.652
(484.158.619)	-	-	3.602.348.652
(484.158.619)	-	-	(641.414.569)
28.507.788.916	3.027.864.437	163.460.000	137.849.781.075
19.428.788.495	1.738.684.925	43.793.510	98.627.013.833
653.476.458	125.660.988	10.694.550	4.075.464.628
(336.767.510)	-	-	(482.351.714)
19.745.497.443	1.864.345.913	54.488.060	102.220.126.747
9.563.159.040	1.289.179.512	119.666.490	36.261.833.159
8.762.291.473	1.163.518.524	108.971.940	35.629.654.328



Cần Thơ, ngày 15 tháng 7 năm 2014

Nguyen Thi Quynh Giao

Dương Thị Quỳnh Giao
Kế toán trưởng

Nguyễn Phú Thọ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
						Cộng
Số dư đầu năm trước	64.999.970.000	(50.000.000)	11.006.878.544	5.073.279.739	15.133.812.594	96.163.940.877
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	18.839.090.598	18.839.090.598
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	1.318.736.342	565.172.718	(3.715.036.308)	(1.831.127.248)
Số dư cuối năm trước	64.999.970.000	(50.000.000)	12.325.614.886	5.638.452.457	30.257.866.884	113.171.904.227
Số dư đầu năm nay	64.999.970.000	(50.000.000)	12.325.614.886	5.638.452.457	30.257.866.884	113.171.904.227
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	4.288.520.705	4.288.520.705
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(19.499.991.000)	(19.499.991.000)
Số dư cuối kỳ	64.999.970.000	(50.000.000)	12.325.614.886	5.638.452.457	15.046.396.589	97.960.433.932

(Handwritten signature)

Dương Thị Quỳnh Giao
Kế toán trưởng



Ngày lập báo cáo tài chính, ngày 15 tháng 7 năm 2014

Nguyễn Phú Thọ
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Kỳ này	Sản xuất	Thương mại	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	130.901.748.889	-	-	130.901.748.889
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	130.901.748.889	-	-	130.901.748.889
Chi phí bộ phận	127.281.236.651	-	-	127.281.236.651
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.620.512.238	-	-	3.620.512.238
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.620.512.238	-	-	3.620.512.238
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-
Chi phí tài chính	-	-	-	-
Thu nhập khác	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(1.131.347.329)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3.338.769.319	-	-	3.338.769.319
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.317.853.948	-	-	4.317.853.948
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	35.200.000	-	-	35.200.000



	Sản xuất	Thương mại	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	136.304.044.256	6.276.123.636	-	142.580.167.892
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	136.304.044.256	6.276.123.636	-	142.580.167.892
Chi phí bộ phận	127.929.680.104	7.111.796.526	-	135.041.476.630
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.374.364.152	(835.672.890)	-	7.538.691.262
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				7.538.691.262
Doanh thu hoạt động tài chính				594.557.278
Chi phí tài chính				(2.195.636.559)
Thu nhập khác				7.171.374.875
Chi phí khác				(3.723.492.232)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(2.336.275.974)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				7.049.218.650
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.372.969.499	-	-	1.372.969.499
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.605.031.981	-	-	4.605.031.981
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

Tài sản và nợ phải bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Số cuối kỳ

Tài sản trực tiếp của bộ phận

Tài sản phân bổ cho bộ phận

Các tài sản không phân bổ theo bộ phận

Tổng tài sản

134.828.510.426

-

-

134.828.510.426

48.535.019.789

-

-

183.363.530.215



Sản xuất	Thương mại	Các khoản loại trừ	Cộng
85.403.096.283	-	-	85.403.096.283
-	-	-	-
-	-	-	-
85.403.096.283			85.403.096.283
143.654.227.988	-	-	143.654.227.988
-	-	-	-
-	-	-	-
143.654.227.988			143.654.227.988
79.017.343.550	-	-	79.017.343.550
-	-	-	-
-	-	-	-
79.017.343.550			79.017.343.550

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận
 Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận
 Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận
Tổng nợ phải trả

Số đầu năm
 Tài sản trực tiếp của bộ phận
 Tài sản phân bổ cho bộ phận
 Các tài sản không phân bổ theo bộ phận
Tổng tài sản

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận
 Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận
 Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận
Tổng nợ phải trả

(Handwritten signature)

Dương Thị Quỳnh Giao
 Kế toán trưởng



Nguyễn Phú Thọ
 Tổng Giám đốc

